

THÁCH THỨC ĐỐI VỚI THƯ VIỆN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC VIỆT NAM TRONG VIỆC PHÁT TRIỂN OER

ThS. Nguyễn Thị Hồng Thương¹

ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong thời gian gần đây, Tài nguyên Giáo dục Mở - OER (Open Educational Resources) đang dịch chuyển rất cao trong các chương trình nghị sự về giáo dục đối với nhiều quốc gia trên thế giới, đặc biệt là ở châu Âu và các nước đang phát triển. OER đang trở thành một ưu tiên không chỉ ở ngoài phạm vi của giáo dục quốc dân, mà OER đang đi vào hệ thống giáo chính thống trong toàn cầu.

Tại Việt Nam các cá nhân, các tổ chức OER tiên phong đang kỳ vọng và nỗ lực không ngừng để chuyển tải các thông điệp, các lợi ích và các cơ chế chính sách để phát triển OER. Bức tranh OER đang dần trở nên rõ nét trong quá trình đổi mới giáo dục, trong đó giáo dục đại học đòi hỏi sự toàn diện về tri thức, năng lực của cả người dạy và người học. Để thực hiện được những điều này thì nguồn tài nguyên học tập chiếm một vai trò không hề nhỏ, đặc biệt hiện nay thư viện các trường đại học Việt Nam đang thiếu và đang yếu về nguồn học liệu, nhất là nguồn học liệu mở cả về mặt số lượng và chất lượng. OER sẽ đồng thời góp phần giải quyết được cả hai vấn đề về năng lực, tri thức và nguồn tài nguyên học liệu. Nhưng phát triển OER tại thư viện các trường đại học Việt Nam đang là vấn đề không dễ thực hiện bởi những thách thức mà các thư viện đang phải đối mặt.

¹ Đại học Công nghệ Giao thông Vận tải.

1. KHÁI NIỆM OER

Thuật ngữ OER lần đầu tiên được thông qua tại diễn đàn UNESCO năm 2002 về tác động của Open Course Ware (OCW) cho giáo dục đại học của các nước đang phát triển dưới sự tài trợ của Quỹ William và Flora Hewlett. **OER bao gồm:** Nội dung học: Các khoá học đầy đủ, các tài liệu học tập, các module nội dung, các đối tượng học tập, tuyển tập, tạp chí, ...; (VOER, 2015); Công cụ: Phần mềm hỗ trợ việc tạo lập, phân phối, sử dụng và cải thiện nội dung học tập mở bao gồm cả việc tìm kiếm và tổ chức nội dung, các hệ thống quản lý nội dung và quá trình học tập (CLMS), các công cụ phát triển nội dung, và các cộng đồng học tập trực tuyến; Các tài nguyên bổ sung khác: các giấy phép sở hữu trí tuệ để thúc đẩy xuất bản các tài liệu mở, các nguyên tắc thiết kế, và việc bản địa hoá nội dung.

Theo UNESCO (2015), tài nguyên giáo dục mở là bất cứ tài liệu giáo dục nào nằm trong khu vực công hoặc được phát hành với một giấy phép mở. Bất cứ người nào cũng có quyền sao chép, sử dụng, sửa đổi và chia sẻ các tài liệu này. Tài nguyên giáo dục mở có thể bao gồm từ sách giáo khoa đến giáo trình, các khung chương trình đào tạo, đề cương môn học, bài giảng, bài luận, các bài kiểm tra, các dự án, các đoạn âm thanh, hình ảnh (audio, video) và hình ảnh động.

Theo Lê Trung Nghĩa (2015), OER là các tư liệu học tập có thể được sử dụng cho việc dạy, học và đánh giá mà không có chi phí. Chúng có thể được sửa đổi và được phân phối lại mà không vi phạm các luật bản quyền.

Từ các định nghĩa trên, có thể tựu chung lại: OER là các tài liệu học tập được sử dụng, tái sử dụng và tái phân phối một cách tự do thông qua hệ thống giấy phép mở.

2. VAI TRÒ CỦA OER ĐỐI VỚI TRƯỜNG ĐẠI HỌC

OER có vai trò quan trọng trong công tác phát triển nguồn học liệu phục vụ phát triển đào tạo của trường đại học. Theo Đồng Đức Hùng (2015) có thể khẳng định rằng học liệu ảnh hưởng sâu sắc đến chất lượng giảng dạy, học tập và nghiên cứu trong trường đại học cũng như môi

quan hệ chặt chẽ với giảng viên, sinh viên (tr.271). OER được thiết kế để khuyến khích mỗi cá nhân sinh viên tự tìm hiểu thông tin, ý tưởng và nội dung hơn là việc chỉ sử dụng các giáo trình, bài giảng truyền thống. Nhằm tăng cường sử dụng tài nguyên học tập một cách hiệu quả hơn do sự hạn chế thời gian của giờ giảng trực tiếp trên lớp cho sinh viên, khuyến khích sự tham gia của sinh viên vào bài giảng và tăng cường thảo luận, tính sáng tạo, ứng dụng thực tiễn và các hoạt động nghiên cứu.

3. CÁC THÁCH THỨC ĐỐI VỚI THƯ VIỆN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC VIỆT NAM TRONG PHÁT TRIỂN OER

Vấn đề chính sách

Trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng, OER chưa có nhiều chính sách cụ thể và thực tế để phát triển. Theo các miêu tả của dự án POERUP của châu Âu và các chính sách quốc tế tương ứng về triển khai OER, có rất ít chính sách tích cực của các quốc gia về OER, kể cả các quốc gia mà giáo dục mở đang tồn tại cũng không đặc biệt nhắc tới OER (Udnaes, M., Titlestad, G., Johannessen, 2015).

Việt Nam chưa có một văn bản cụ thể nào của Chính phủ hay Bộ Giáo dục và Đào tạo về chính sách phát triển OER cho các thư viện nói chung và Thư viện đại học nói riêng. Trong khi đó cơ chế, chính sách và hệ thống văn bản hướng dẫn của cơ quan Nhà nước đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng và phát triển OER. Phần lớn các thư viện đại học muốn được sự đầu tư, ủng hộ phát triển OER của Nhà trường thì cần phải có căn cứ, có hướng dẫn cụ thể để xây dựng đề xuất và lãnh đạo Nhà trường căn cứ vào đó để chỉ đạo thực hiện tại cơ sở.

Vấn đề về bản quyền

Bản quyền là một trong những rào cản lớn cho các thư viện đại học để phát triển OER. Đối với OER, việc áp dụng hệ thống giấy phép Creative Commons sẽ kiểm soát được các vấn đề lo ngại nhưng không có tính chất về mặt pháp lý. Theo Lê Trung Nghĩa, (2015), tính tới hết tháng 08/2011 hệ thống Creative Commons đã có hơn 100 chi nhánh và hơn 70 quyền tài phán. Creative Commons đã phát triển các giấy phép cho nhiều nước, trong đó có Việt Nam dù Chính phủ chưa sử dụng. (tr.123).

Thực tế hiện nay tại Việt Nam rất ít hình thức dịch vụ “mua - bán kiến thức” nên nhiều người lo ngại những sản phẩm của mình khi xuất bản mở sẽ bị nhiều người dùng vì mục đích thương mại, không ghi công tác giả hoặc chiếm đoạt tác phẩm. Trong khi đó, theo Công ước quốc tế Bern và Luật Bản quyền tác giả Việt Nam thì tác giả và chủ sở hữu quyền tác giả giữ độc quyền với toàn bộ các quyền tác giả đối với tác phẩm của mình, người dùng muốn khai thác, sử dụng phải xin phép và trả tiền cho tác giả và chủ sở hữu, (Quốc hội Việt Nam, 2005). Trừ các trường hợp ngoại lệ quy định những trường hợp sử dụng tác phẩm đã công bố không phải xin phép, không phải trả tiền nhuận bút, tiền thù lao (tr.13).

Sự hiểu biết về OER

Sự hiểu biết về OER là một trong các yếu tố quan trọng để phát triển OER, trên thực tế có thể nói OER là một thuật ngữ còn khá mới mẻ tại Việt Nam. Trong những nghiên cứu gần đây cho thấy, sự hiểu biết về OER tại Việt Nam còn khá khiêm tốn. Theo Đỗ Văn Hùng (2015), 60% người được khảo sát chưa thực sự nắm rõ về OER, họ cho rằng OER mới chỉ dừng lại việc số hóa, lưu giữ dưới dạng các tệp và được cung cấp miễn phí cho người dùng. Một số các trường đại học cho rằng việc số hóa học liệu và cho phép sinh viên và giảng viên được sử dụng miễn phí chính là nguồn học liệu mở (tr.94). Nghiên cứu của Nguyễn Thị Kim Dung, Bùi Thanh Thủy (2015) cho biết hầu hết sinh viên mới hình dung học liệu mở có 3 đặc điểm: tồn tại trên Internet, miễn phí và được tự do chia sẻ (tr.207). Trong khi đó những ưu điểm chính của OER là cho phép người dùng tự do sửa chữa nội dung các yếu tố về tuyên bố bản quyền hay giấy phép sử dụng chưa được chú ý và đây mới chính là điều căn bản để cho OER phát triển. Theo Vũ Đỗ Quỳnh (2015) trong khảo sát tại Trường Đại học Thăng Long thì 86,6% cán bộ nhân viên của Phòng Thông tin Tư liệu – Thư viện và 74% giảng viên trả lời không biết hoặc không rõ về giấy phép Creative Commons. Sự hiểu biết là tiền đề để phát triển OER, nhưng những con số khảo sát trên là một thách thức rất lớn đối với các thư viện đại học Việt Nam trong phát triển OER.

Về năng lực thông tin của sinh viên

OER là nguồn học liệu phục vụ cho mọi đối tượng, tại trường đại học thì sinh viên là đối tượng chính hưởng thụ thành quả, vận dụng các thành quả của OER để phát triển năng lực học tập, năng lực nghiên cứu.

Yêu cầu đặt ra để khai thác và sử dụng OER được tốt nhất, đòi hỏi người khai thác, sử dụng phải có trình độ ngoại ngữ nhất định, có kiến thức công nghệ thông tin, kỹ năng phân tích tổng hợp, xử lý thông tin thu thập được đồng thời phải tuân thủ Luật Bản quyền tác giả khi trích dẫn thông tin và phải có khả năng tạo ra các thông tin mới. Nhưng trong nghiên cứu của PGS.TS. Trần Thị Quý (2005), thực tế năng lực thông tin của sinh viên Việt Nam hiện nay còn nhiều hạn chế về mọi yêu cầu (tr.340).

Sự liên kết giữa các thư viện

OER được cho là miễn phí, nhưng trên thực tế để xây dựng và đưa OER vào hoạt động vẫn cần phải có một khoản kinh phí không hề nhỏ như chi phí hạ tầng công nghệ thông tin, chi phí nhân lực quản lý,... cá nhân một thư viện đại học khó có thể xây dựng và phát triển thành công OER mà cần có sự tham gia của cả tập thể của cộng đồng thư viện các trường đại học để cùng tạo lập và chia sẻ tài nguyên. Nhưng một thực tế các thư viện ở Việt Nam nói chung và thư viện đại học nói riêng nhìn chung chưa có truyền thống phối hợp, đặc biệt trong lĩnh vực chia sẻ nguồn lực thông tin. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2010) đã chỉ rõ “Thư viện các trường còn nghèo, giáo trình tài liệu chưa đáp ứng yêu cầu cả về số lượng và chất lượng”. Trong khi đó sự phối hợp liên kết, liên thông giữa các thư viện còn yếu nên chưa tạo ra được một sức mạnh tập trung.

Theo Nguyễn Huy Chương, Nguyễn Tiến Hùng (2011), tại Việt Nam chương trình OER ra đời vào tháng 11/2005 với sự hợp tác giữa Bộ Giáo dục và Đào tạo, Công ty Phần mềm và Truyền thông VASC, và Quỹ Giáo dục Việt Nam với trang tin chính thức website www.vocw.edu.vn được bấm nút khai trương ngày 12/12/2007 tại Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện tại chương trình thu hút được 28 trường thành viên đã chính thức đi vào hoạt động, trong đó nguồn cơ sở dữ liệu chính là do cán bộ thuộc các trường chủ động đưa lên, phần còn lại có được

thông qua các hoạt động tài trợ (Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Thái Nguyên, Đại học Huế, Đại học Hà Nội,...). 28 trường thành viên hầu như đều là các trường có tên tuổi và tiềm lực, nhưng con số các trường đã tham gia OER chính thức này còn là quá khiêm tốn so với khoảng 471 trường đại học, cao đẳng tại Việt Nam.

Hạ tầng công nghệ thông tin

Nhìn chung tiềm lực cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin của các thư viện đại học Việt Nam còn hạn chế, thể hiện ở chỗ Thư viện các trường đại học ở Việt Nam chưa có sự đồng nhất trong việc sử dụng phần mềm và chủ yếu sử dụng phần mềm thư viện tích hợp do các công ty trong nước xây dựng và phát triển như ILIB của CMC; LIBOL của Tinh Vân; Vebrary của Lạc Việt; VnLib của VnEworld... Một số Thư viện lớn có khả năng tài chính thì đang dùng phần mềm VTLS. Mỗi nơi sử dụng các tùy biến khác nhau, mức độ khai thác sử dụng các module khác nhau. Thêm vào đó là sự không đồng nhất giữa cơ sở hạ tầng, có nhiều thư viện đại học được cải tạo, chấp vá hơn là được xây mới nên chưa có sự đầu tư đồng bộ, nhiều thư viện có hệ thống máy tính xuống cấp, lỗi thời, an ninh mạng không đảm bảo... Những điều này tạo thêm một rào cản lớn cho việc phát triển OER.

4. MỘT VÀI ĐỀ XUẤT TRONG PHÁT TRIỂN OER TẠI THƯ VIỆN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC VIỆT NAM

Thứ nhất: Xây dựng chính sách về OER

Chính sách của cơ quan quản lý Nhà nước:

Mọi hoạt động khoa học nói chung muốn phát triển và bền vững đều cần chính sách hành lang pháp lý, OER cũng cần có những chính sách và khuôn khổ riêng của nó. Vì vậy, hướng cần thiết, đúng đắn và tiền đề để OER phát triển tại các trường đại học nói riêng và tại Việt Nam nói chung hiện nay là cần có văn bản pháp lý về OER, các chính sách triển khai áp dụng hệ thống giấy phép Creative Commons.

Để xây dựng các văn bản có tính pháp lý về OER, cần thực hiện các đề án xây dựng và triển khai chính sách. UNESCO (2016) tại châu Âu đã có chính sách Triển khai OER - POERUP (Policies for OER

Uptake) là dự án được hoàn thành gần đây để phát triển các khuyến cáo về chính sách cho những người ra quyết định sử dụng trong các cơ sở và chính phủ. Tại Việt Nam, việc xây dựng chính sách cần sự tham gia chỉ đạo của Chính phủ, sự phối kết hợp của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Khoa học - Công nghệ, sự tham gia tích cực của các chuyên gia trong và ngoài nước về OER và tham khảo kinh nghiệm của các quốc gia đã phát triển OER.

Chính sách của trường đại học:

Khi các trường đại học tham gia OER, lãnh đạo nhà trường cần có các chính sách chung và riêng phù hợp với đặc thù, đặc điểm của đội ngũ cán bộ giảng viên, sinh viên Nhà trường để khuyến khích tối đa nguồn lực tham gia phát triển OER bằng các hình thức như: khuyến khích cán bộ thư viện nâng cao năng lực để phù hợp quản lý, khai thác và phát triển OER; quy định số lượng các bài viết của cán bộ giảng viên và sinh viên trên cơ sở dữ liệu OER và tính vào khối lượng kết quả nghiên cứu khoa học của mỗi năm; đánh giá, phân loại hàng năm về chất lượng, số lượng các bài viết; tính đó như một thành tích thi đua đối với các cán bộ giảng viên và là điểm thành phần của sinh viên trong năm học.

Thứ hai: Nâng cao quảng bá về OER

Thực hiện các chương trình tuyên truyền quảng bá OER tại các trường đại học để góp phần nâng cao quan điểm, nâng cao nhận thức của đội ngũ các nhà quản lý, cán bộ giảng viên và sinh viên. Giúp họ nắm bắt được các lợi ích cũng như các cách thức tham gia sử dụng và cung cấp các sản phẩm OER chất lượng cao để nâng cao khả năng nghiên cứu, học tập.

Trong thời gian gần đây các sự kiện quảng bá về OER diễn ra mạnh mẽ tại nhiều cơ sở trong cả nước, song các thành phần tham dự chưa được phong phú và mới tập trung chủ yếu vào đội ngũ cán bộ thư viện tại các trường. Theo tác giả thấy, vai trò của cán bộ thư viện trong OER tại thư viện trường đại học chủ yếu là người quản lý OER, còn các đối tượng chính được khuyến khích tạo ra và phát triển OER lại là giảng viên và sinh viên và người phê duyệt là lãnh đạo nhà trường. Do vậy,

bên cạnh hình thức giới thiệu, tập huấn về OER như hiện nay, để hiệu quả hơn có thể kết hợp giới thiệu, tập huấn riêng cho từng trường đại học về phát triển OER trên cơ sở đã xác định được mục tiêu phát triển nguồn lực thông tin, tiềm năng OER,... của trường đại học đó. Để thực hiện điều này, đòi hỏi lãnh đạo Nhà trường có quan điểm tích cực về OER, sự hiểu biết và kết hợp chặt chẽ của lãnh đạo thư viện với các chuyên gia OER.

Thứ ba: Nâng cao năng lực thông tin cho người dùng tin

Năng lực thông tin là một trong các yếu tố quyết định đến giá trị của các nguồn tài liệu, vì vậy trang bị các kiến thức cho người dùng tin sử dụng và khai thác thông tin nói chung và OER nói riêng tại thư viện các trường đại học Việt Nam hiện nay là điều cần kíp.

Theo xu thế phát triển chung là đào tạo lấy người học làm trung tâm nên người học cần có được những cơ hội để tiếp cận và sử dụng các nguồn thông tin một cách tích cực và hiệu quả, việc học tập phải dựa trên nguồn tài liệu và hướng vào hiệu quả giải quyết vấn đề, học tập độc lập. Điều này đòi hỏi các cơ sở đào tạo cần phải tích hợp kiến thức thông tin vào các chương trình đào tạo của mình, thực hiện đào tạo theo hướng thực hành và thực tế.

Bên cạnh đó còn cần nâng cao năng lực và trách nhiệm của cán bộ giảng viên phụ trách giảng dạy về kiến thức thông tin và OER. Các cơ quan chức năng cần xây dựng một bộ khung chuẩn quốc gia về Kiến thức thông tin dựa trên những đặc thù về hành vi thông tin và hệ thống giáo dục của Việt Nam. Khung chuẩn này chính là cơ sở để các cơ quan giáo dục đào tạo cũng như các cơ quan thông tin thư viện có thể xây dựng cho riêng mình những chương trình kiến thức thông tin phù hợp. Hơn thế nữa, nó giúp cho việc triển khai kiến thức thông tin tại Việt Nam trở nên đồng bộ và có hệ thống.

Thứ tư: Tạo thành khối liên kết giữa các trường đại học

Việc phát triển OER đòi hỏi cần có sự phối kết hợp chặt chẽ giữa các tập thể, cá nhân một trường đại học không dễ dàng để phát triển OER. Vì thế, thay vì tư tưởng cục bộ hãy tạo thành sự phối kết hợp

“cùng cho” và “cùng nhận”. Việc phối kết hợp giữa các thư viện đại học có thể thực hiện theo các hình thức:

Kết hợp giữa thư viện các trường đại học cùng khối ngành: Tại Việt Nam có thể chia ra thành các khối ngành đào tạo như: khối ngành Khoa học kỹ thuật, khối ngành Kinh tế, khối ngành Xã hội. Các trường có cùng đặc thù đào tạo sẽ dễ nắm bắt được tâm lý, nhu cầu thông tin, từ đó xuất bản ra các sản phẩm tương ứng với nhu cầu, và ngược lại thì người sử dụng tài nguyên cũng dễ dàng tìm kiếm, thẩm định, đánh giá chất lượng OER. Hình thức kết hợp này sẽ tránh được sự lãng phí về kinh phí, về nguồn lực thông tin và nhân lực quản lý cũng như thời gian xuất bản.

Hợp tác dựa trên nhu cầu: Xu thế phát triển của giáo dục đào tạo là đẩy mạnh ứng dụng tin học hóa, tự động hóa, khuyến khích người dùng tin sử dụng nguồn tài liệu điện tử để nghiên cứu, giảng dạy và học tập. Nhưng trên thực tế phải căn cứ vào chương trình đào tạo và nhu cầu sử dụng tài liệu học tập của từng trường để quyết định tham gia hợp tác OER. Do vậy, các trường cần cân nhắc nhu cầu thật sự của đơn vị trước khi quyết định tham gia OER.

Thứ năm: Nâng cao nhận thức về vấn đề bản quyền

Để dàng để nhận thấy tỉ lệ người biết và hiểu về vấn đề bản quyền ở Việt Nam là không nhiều, họ chỉ tìm hiểu về vấn đề bản quyền khi nào thật cần thiết. Nhưng ngày nay, hầu hết mọi hoạt động khoa học đều liên quan tới vấn đề bản quyền. Vì vậy mà các cơ quan chủ quản, những người chịu trách nhiệm phổ biến cần có các chính sách, biện pháp để phổ biến vấn đề bản quyền một cách hiệu quả. Đối với trường đại học nói riêng cần có các biện pháp hữu hiệu như: thiết kế các áp phích chứa các nội dung cốt lõi được tóm gọn về vấn đề bản quyền và trưng bày ở những nơi có nhiều cán bộ giảng viên, sinh viên chú ý như khu vực bảng tin nhà trường, thông báo thư viện, khu vực các câu lạc bộ,...; giảng dạy trong sinh hoạt đầu khóa hoặc lồng ghép vào các chương trình kiến thức thông tin.

Thứ sáu: Đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin thích hợp

Trong sự phát triển kinh tế - xã hội, mỗi quốc gia nên đặt lợi ích của phát triển giáo dục đào tạo lên hàng đầu, OER là một trong các yếu

tổ để thúc đẩy tri thức phát triển. Vì vậy, các trường đại học cần có các cơ chế đầu tư cơ sở hạ tầng đảm bảo cho hoạt động thư viện. Các thư viện đại học cần xây dựng một lộ trình đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng thông tin, tranh thủ sự ủng hộ và đầu tư kinh phí của nhà trường, huy động nguồn kinh phí tài trợ từ bên ngoài (nếu có).

Tiến tới sử dụng một phần mềm tìm kiếm tập trung cho các thư viện đại học có liên kết với nhau để tạo nên sự đồng bộ, các phần mềm tìm kiếm tập trung như: Vufind là thanh công cụ tìm kiếm mã nguồn mở cho phép người dùng tìm kiếm các nguồn tài liệu vượt trội hơn giao diện cổ điển OPAC, và đã được sử dụng bởi khoảng 64 trường, tổ chức trên thế giới; Encore cung cấp chức năng tìm kiếm đơn, tích hợp nội dung với chỉ số thực thống nhất. Phần mềm Encore phù hợp với người mới sử dụng thư viện lần người có nhu cầu nghiên cứu.

KẾT LUẬN

OER đang là xu hướng phát triển trong các cơ sở giáo dục trên thế giới trong đó có Việt Nam. Phát triển OER tại Việt Nam nói chung và tại thư viện các trường đại học Việt Nam nói riêng là một việc phải đối mặt với nhiều thách thức về vấn đề chính sách, bản quyền, năng lực thông tin, sự hiểu biết về OER, sự liên kết giữa các thư viện và hạ tầng công nghệ thông tin. Vì vậy, trước khi tiến tới phát triển OER, thư viện các trường đại học cần xây dựng những kế hoạch chi tiết, cụ thể để chỉ ra được những tồn tại, khó khăn nội tại. Đồng thời tranh thủ sự ủng hộ từ phía nhà trường, từ các chính sách của cơ quan chức năng và đưa ra các biện pháp thiết thực, phù hợp với đơn vị. Từ đó phát triển chất lượng học liệu, góp phần nâng cao năng lực và chất lượng giáo dục đào tạo Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2010), Nghị quyết số 05 – NQ/BCSD ngày 06/1/2010 của Ban cán sự Đảng bộ Giáo dục và Đào tạo về *Đổi mới quản lý giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2010 – 2012*.
2. Quốc hội Việt Nam (2005), *Luật Sở hữu trí tuệ*, Số: 50/2005/QH11, Hà Nội, tr. 13.

3. Đỗ Văn Hùng (2015), *Tổng quan về học liệu mở và nhận dạng các yếu tố tác động đến việc xây dựng và chia sẻ học liệu mở trong các trường đại học Việt Nam*, Xây dựng nền tảng học liệu cho giáo dục đại học Việt Nam, ĐH Quốc gia Hà Nội, tr.80-106.
4. Đồng Đức Hùng (2015), *Thư viện đại học với vấn đề tài nguyên giáo dục mở*, Xây dựng nền tảng học liệu cho giáo dục đại học Việt Nam, ĐH Quốc gia Hà Nội, tr.274.
5. Nguyễn Thị Kim Dung, Bùi Thanh Thủy (2015), *Nhận thức của sinh viên trường đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN về học liệu mở*, Xây dựng nền tảng học liệu cho giáo dục đại học Việt Nam, ĐH Quốc gia Hà Nội, tr.207.
6. Lê Trung Nghĩa (2015), *Tổng quan về tài nguyên giáo dục mở và dự đoán một kịch bản tương lai của giáo dục Việt Nam*, Xây dựng nền tảng học liệu cho giáo dục đại học Việt Nam, ĐH Quốc gia Hà Nội, tr.123.
7. Trần Thị Quý (2015), *Năng lực thông tin của sinh viên Việt Nam – yếu tố quyết định đến sự thành công của việc sử dụng và xây dựng học liệu mở*, Xây dựng nền tảng học liệu cho giáo dục đại học Việt Nam, ĐH Quốc gia Hà Nội, tr.340.
8. Vũ Đỗ Quỳnh (2015), *Tình trạng hiểu biết về tài nguyên giáo dục mở (OER) của giáo viên tại trường Đại học Thăng Long*, Xây dựng nền tảng học liệu cho giáo dục đại học Việt Nam. ĐH Quốc gia Hà Nội, tr.349-354.
9. Nguyễn Huy Chương, Nguyễn Tiến Hùng (2011,). *Học liệu mở và hướng phát triển tài nguyên số tại các thư viện đại học Việt Nam*, <http://dlib.huc.edu.vn/handle/123456789/48>.
10. Lê Trung Nghĩa (2015), *Giới thiệu về tài nguyên giáo dục mở - OER*, <https://www.slidesearch.net/slide/oer-basics-nov-2015>.
11. K de Hart (2014), *Open Education Resources (OER) Strategy 2014 – 2016*, University of South Africa. <http://www.unisa.ac.za/contents/unisaopen/docs/OER-Strategy-March-2014.pdf>
12. Udnaes, M., Titlestad, G., Johannessen (2015), *Policy Brief - Open Educational Resources in your Own Language, in your Way*, http://www.icde.org/assets/AboutUs/Who_we_are/PolicyBrief-OpenEducationalResourcesinyourOwnLanguageinyourWay-20150107-final2.pdf
13. UNESCO, COL (2015), *A Basic Guide to Open Educational Resources (OER)*, <http://unesdoc.unesco.org/images/0021/002158/215804e.pdf>

14. UNESCO (2016), *Open Educational Resources: Policy, Costs and Transformation*, <http://unesdoc.unesco.org/images/0024/002443/244365e.pdf>
15. UNESCO (2015), <http://www.unesco.org/new/en/communication-and-information/access-to-knowledge/open-educational-resources/what-are-open-educational-resources-oers/>
16. VOER (2015), *Học liệu mở và các khái niệm cơ bản*. <https://voer.edu.vn/m/hoc-lieu-mo-va-cac-khai-niem-co-ban/02fd0ea9>.
17. VVOB (2007), *Khảo sát về Tích hợp CNTT trong giáo dục tại Việt Nam Báo cáo chi tiết đợt khảo sát lần 2*. http://www.vvob.be/vietnam/files/summary_report_on_survey_ict_in_education_2nd_round_120907_vn.pdf